

ĐÀO TẠO SINH VIÊN SƯ PHẠM TIẾNG ANH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Hồ Thị Việt Luận*

Tóm tắt

Theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành Trung Ương Đảng khóa XI “Chuyển mạnh quá trình từ chủ yếu chỉ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học”, đào tạo sinh viên theo hướng tiếp cận năng lực là định hướng đúng đắn của các trường đại học trong thời kỳ hội nhập. Bài viết làm rõ hàm ý các khái niệm về năng lực, dạy học theo hướng tiếp cận năng lực, năng lực của giáo viên Tiếng Anh. Qua đó, bài viết chia sẻ quá trình đào tạo sinh viên sư phạm Tiếng Anh theo hướng tiếp cận năng lực tại Trường Đại học Phú Yên.

Từ khóa: sinh viên sư phạm Tiếng Anh, dạy học theo hướng tiếp cận năng lực (TCNL)

Đào tạo sinh viên theo hướng tiếp cận năng lực là phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục phổ thông của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành Trung Ương Đảng khóa XI “Chuyển mạnh quá trình từ chủ yếu chỉ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học”.

Trường ĐH Phú Yên, một trường có đào tạo các ngành sư phạm, trong đó có ngành sư phạm Tiếng Anh đã nhanh chóng điều chỉnh và chuyển hướng trong công tác đào tạo và giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực, tập trung phát triển các năng lực cần thiết cho sinh viên (SV). SV sư phạm ra trường có thể nhanh chóng hòa nhập thực tiễn giáo dục phổ thông, làm tốt việc dạy học cho học sinh phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực, đáp ứng tốt yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp.

1. Dạy học theo hướng tiếp cận năng lực

1.1. Năng lực là gì?

Có nhiều khái niệm khác nhau biểu đạt hàm ý của năng lực (NL). NL là sự kết hợp của tư duy, kỹ năng, thái độ có sẵn hoặc ở dạng tiềm năng có thể học hỏi được của

một cá nhân hoặc tổ chức để thực hiện thành công nhiệm vụ. Mức độ và chất lượng hoàn thành công việc sẽ phản ánh mức độ năng lực của cá nhân [1].

Một nghiên cứu khác về phương pháp dạy học tích hợp cho rằng NL là một thuộc tính tâm lý phức hợp, là điểm hội tụ của nhiều yếu tố như tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động và trách nhiệm. [2]

Các nhà tâm lý học cho rằng NL là tổng hợp các đặc điểm, thuộc tính tâm lý của cá nhân phù hợp với yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định nhằm đảm bảo cho hoạt động đó đạt hiệu quả.

Vậy, ta có thể hiểu theo cách đơn giản rằng NL là sự tích hợp sâu sắc giữa kiến thức, kỹ năng, thái độ của một cá nhân để thực hiện một nhiệm vụ hay một công việc chuyên môn trong thực tiễn có hiệu quả.

1.2. Dạy học theo hướng tiếp cận năng lực

Dạy học theo hướng tiếp cận năng lực (TCNL) là tập trung vào đầu ra của quá trình dạy học, nhấn mạnh người học cần đạt được các mức năng lực như thế nào sau khi kết thúc khóa học;

Dạy học theo hướng TCNL là chú trọng ứng dụng các quan điểm, phương pháp, kỹ

* ThS, Trường Đại học Phú Yên

thuật dạy học tích cực, các phương pháp học thí nghiệm, thực hành và trải nghiệm sáng tạo; ưu tiên cho SV cơ hội vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống.

Dạy học theo hướng TCNL là hình thức chuyển đổi từ việc nhấn mạnh việc GV tin là SV cần phải biết gì sang việc SV phải nắm rõ mình cần biết gì và có thể làm gì trong các tình huống và bối cảnh.

Vậy, dạy học theo hướng TCNL là quá trình dạy học lấy người học và việc học làm trung tâm, GV giữ vai trò cố vấn, hướng dẫn. Người học có nhiều cơ hội thể hiện khả năng cũng như điều chỉnh những hạn chế bản thân để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.

2. Năng lực của giáo viên Tiếng Anh

Theo công văn số 792/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 2 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu năng lực giáo viên Tiếng Anh phổ thông bao gồm 5 lĩnh vực: (1) Kiến thức về môn học và chương trình; (2) Kiến thức về dạy học Tiếng Anh; (3) Kiến thức về học sinh; (4) Giá trị và thái độ nghề nghiệp; (5) Kết nối và rút kinh nghiệm về dạy học Tiếng Anh.

Lĩnh vực (1) bao gồm các kiến thức về năng lực ngôn ngữ của giáo viên cũng như kiến thức về hệ thống ngôn ngữ, cách học ngôn ngữ, văn học, văn hóa các quốc gia nói Tiếng Anh, nội dung về học thuật bằng Tiếng Anh, về khung chương trình chuyên môn.

Lĩnh vực (2) chủ yếu liên quan đến các kiến thức chuyên môn về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, về nghiệp vụ sư phạm. Giáo viên tạo ra môi trường học tập hỗ trợ người học, thực hiện bài giảng hiệu quả, đánh giá sự tiến bộ và năng lực của học sinh; sử dụng các nguồn học liệu, công nghệ hỗ trợ quá trình giảng dạy.

Lĩnh vực (3) liên quan đến kiến thức về người học ngôn ngữ. Giáo viên nắm bắt

quá trình phát triển của học sinh, các giai đoạn của việc học ngôn ngữ, các trải nghiệm học ngôn ngữ của học sinh sẽ góp phần giúp người học học tốt Tiếng Anh. Hiểu biết về học sinh là yếu tố cần thiết để giáo viên có thể phát huy khả năng sáng tạo và tư duy phản biện của học sinh.

Lĩnh vực (4) chỉ ra các giá trị và thái độ đối với nghề nghiệp, với các lĩnh vực khác. Bao gồm việc khuyến khích, hình thành động cơ học ngôn ngữ; hoạt động hợp tác, cộng tác và làm việc nhóm; học tập phát triển chuyên môn thông qua hoạt động bồi dưỡng năng lực thường xuyên, đọc sách báo, tham gia các hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng chuyên môn.

Lĩnh vực (5) thể hiện tầm quan trọng việc giáo viên hiểu rõ tình hình dạy học Tiếng Anh và thực tiễn ứng dụng Tiếng Anh tại Việt Nam; là năng lực kết nối (Networking) và rút kinh nghiệm về dạy học Tiếng Anh; năng lực kết nối và xây dựng cộng đồng học tập.

Các lĩnh vực trên bao gồm nhiều tiêu chí về kiến thức và kỹ năng cần đạt đối với giáo viên Tiếng Anh và đây là căn cứ để họ phấn đấu nâng cao năng lực nghề nghiệp. Vậy mục tiêu đào tạo của các trường đại học có đào tạo các ngành sư phạm Tiếng Anh là trang bị cho SV sư phạm năng lực nghề nghiệp. Đây là năng lực cốt lõi, đòi hỏi nhà trường và đội ngũ GV phải nỗ lực đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo giáo viên và có chiến lược thực hiện sự đổi mới đó một cách phù hợp với thực tiễn.

3. Quy trình đào tạo sinh viên sư phạm Tiếng Anh theo hướng tiếp cận năng lực tại Trường ĐH Phú Yên

3.1. Xây dựng nội dung chương trình theo hướng tiếp cận năng lực

Với sự chỉ đạo của nhà trường, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phú Yên đã

xây dựng, xác định rõ mục tiêu và công khai chuẩn đầu ra đối với chương trình đào tạo ngành sư phạm Tiếng Anh, trình độ đại học theo chuẩn nghề nghiệp do Bộ GD và ĐT ban hành theo công văn số 792/BGDDT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 2 năm 2014. Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ (135 tín chỉ), có 40 tín chỉ dành cho khối kiến thức Giáo dục đại cương và 95 tín chỉ dành cho khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, được thiết kế với 5 lĩnh vực kiến thức theo yêu cầu về năng lực của giáo viên Tiếng Anh được nêu trên. Lĩnh vực (1) bao gồm các học phần (HP) về hệ thống ngôn ngữ (ngữ pháp-từ vựng, ngữ âm, âm vị học, hình thái học, cú pháp học, ngữ nghĩa học, phân tích diễn ngôn); kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc viết); văn hóa, văn học Anh (giao thoa văn hóa, ngôn ngữ và văn hóa, đất nước học Anh, văn học Anh); biên-phiên dịch. Lĩnh vực (2) bao gồm các HP như phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Tiếng Anh. Lĩnh vực (3) được thể hiện qua các HP như tâm lý học đại cương, giáo dục học đại cương, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, lý luận giáo dục và lý luận dạy học, quản lý nhà trường phổ thông. Lĩnh vực (4) bao gồm các HP như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng hội nhập cộng đồng, sinh hoạt chuyên đề về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh với GV. Lĩnh vực (5) bao gồm các HP: thực tập sư phạm, tham quan thực tế, hoạt động ngoại khóa với các tình nguyện viên nước ngoài, câu lạc bộ Tiếng Anh.

Chương trình bao gồm các học phần được lựa chọn theo hướng tích hợp hoặc phân hóa cao một cách phù hợp về nội dung và phương pháp giảng dạy, đào sâu các năng lực cần thiết cho nghề nghiệp

tương lai. Nội dung và mục tiêu mỗi học phần được đội ngũ giảng viên mô tả cụ thể qua đề cương chi tiết.

Chương trình được thiết kế với 20 tín chỉ cho số học phần tự chọn, người học chủ động trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp, lộ trình học tập. Vì vậy, đây là một qui trình học tập mang tính cá thể hóa cao, hoàn toàn khác hẳn những chương trình đào tạo truyền thống có xu hướng giảng dạy đại trà.

3.2. Phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực

Đội ngũ giảng viên (GV) Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phú Yên đã và đang vận dụng phương pháp dạy học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành; phương pháp dạy học tích cực, lấy người học, việc học làm trung tâm. SV đóng vai trò trung tâm trong các giờ học, chủ động tham gia các hoạt động thuyết trình, thảo luận nhóm, cặp, đóng vai. SV sư phạm Tiếng Anh có nhiều cơ hội học cách dạy, tiếp cận với nghề nghiệp tương lai thông qua các học phần phương pháp giảng dạy Tiếng Anh (PPGDTA). Bên cạnh việc cung cấp kiến thức về môn học, GV rất chú trọng việc hình thành các kỹ năng giảng dạy. GV lập kế hoạch dạy mẫu, minh họa các kỹ thuật dạy học, một số SV đóng vai học sinh, số khác quan sát, ghi chú, nhận diện các chỉ dẫn, kỹ thuật giảng dạy, qui trình tổ chức giờ dạy. Khi SV đã có tri thức vững chắc, quen thuộc với việc dạy mẫu hay dự giờ, GV đặt ra yêu cầu cao hơn, chuyển dần trọng tâm hoạt động từ GV sang SV. SV đóng vai GV, thiết kế bài giảng, giảng mẫu, những SV khác đóng vai học sinh và dự giờ. SV tập giảng trong những điều kiện giả định: môi trường học tập hiện đại, được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất; hoặc môi trường học tập còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Sau đó, GV hướng dẫn SV thảo luận,

tự rút kinh nghiệm để nhóm SV khác sẽ thực hành giảng dạy tốt hơn. Ngoài việc tập giảng ở trường đại học, SV ngành sư phạm Tiếng Anh còn có cơ hội thực tập giảng dạy Tiếng Anh (10 tuần) tại các trường phổ thông. Đây là giai đoạn kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, cũng là một giai đoạn để SV trải nghiệm sáng tạo, sẽ giúp SV có được sự phát triển toàn diện, xác định thái độ, tình yêu nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp sẵn sàng thích ứng với mọi môi trường giảng dạy khi vào đời lập nghiệp.

3.3. Kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực

Với định hướng đào tạo TCNL, GV Tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Phú Yên đánh giá kết quả học tập của SV cho mỗi học phần theo tỉ trọng 40% cho điểm quá trình, 60% cho điểm thi kết thúc học phần. Điểm quá trình được GV linh hoạt đánh giá thông qua: (a) các hoạt động trên lớp (số buổi có mặt trên lớp, thái độ học tập trên lớp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành giảng dạy); (b) tự học ở nhà (đảm bảo thời gian, chất lượng hoàn thành bài tập ở nhà); (c) làm việc nhóm (tinh thần hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ nhau); (d) kiểm tra giữa kỳ (một bài kiểm tra trên giấy hoặc hình thức vấn đáp, hoặc một bài tiểu luận của cá nhân hoặc soạn giảng, thực hành giảng theo nhóm). Mỗi GV có thể qui định thêm những trường hợp cộng điểm khuyến khích đối với SV tích cực tham gia xây dựng bài, hoạt động trên lớp. Hình thức thi kết thúc học phần là một bài thi tự luận, trắc nghiệm trên giấy hoặc vấn đáp hoặc thực hành giảng, hoặc kết hợp các hình thức trên.

Vậy, với phương thức đánh giá TCNL, việc đánh giá kết quả học tập của SV phải là một tập hợp đa dạng các hình thức đánh giá; không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm, mà chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức

trong những tình huống ứng dụng khác nhau.

3.4. Khai thác cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng TCNL

SV sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Phú Yên được học tập trong một môi trường có những phương tiện dạy học cần thiết, với 2 phòng học đa phương tiện, bao gồm hệ thống nghe nhìn, bảng tương tác, máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh nổi, kết nối internet... GV luôn nỗ lực học hỏi, bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin để khai thác tối ưu mọi phương tiện dạy học sẵn có nhằm phục vụ quá trình dạy học, kiểm tra và đánh giá. SV được khuyến khích và có nhiều cơ hội vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin để tìm kiếm thông tin, chuẩn bị tư liệu học tập. SV vận dụng phần mềm Powerpoint để thiết kế bài thuyết trình, bài giảng điện tử. GV và SV sử dụng các trang mạng xã hội như facebook, zalo, wikispaces để trao đổi, chia sẻ, phân công nhiệm vụ học tập theo nhóm. Thông qua các trang mạng này GV nắm bắt được tinh thần, thái độ cũng như tiến độ học tập hợp tác các thành viên nhóm, nhóm qua đó kịp thời phản hồi, giúp đỡ SV hoàn thành tốt các bài tập tự học.

4. Thay lời kết

Đào tạo SV sư phạm theo hướng TCNL, đặc biệt là năng lực dạy học của người giáo viên tương lai, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông sau năm 2015 là mục tiêu hướng đến của các trường đại học có đào tạo giáo viên hiện nay. Đào tạo theo hướng TCNL là định hướng đúng đắn, là nhân tố quyết định uy tín và chất lượng đào tạo của một trường đại học trong thời kỳ hội nhập quốc tế nói chung; và nói riêng, đào tạo đội ngũ giáo viên Tiếng Anh có đầy đủ phẩm chất và năng lực cần thiết, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông là một sứ mệnh của Trường Đại học Phú Yên ngày nay □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] DeSeCo (2002), “*Education-Lifelong Learning and the Knowledge Economy: Key Competences for the Knowledge Study*”. In Proceedings of the DeSeCo Symposium, Stuttgart.
- [2] Nguyễn Văn Tuấn (2010), “*Phương pháp dạy học theo hướng tích hợp*”, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM.
- [3] Nguyễn Huy Vi, Tôn Nữ Phương Thảo (2015), “*Đổi mới dạy và học ngoại ngữ tại các trường đại học địa phương nhằm thúc đẩy và hỗ trợ người học đạt chuẩn khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam*”, *Tạp chí Dạy và Học* ngày nay, số 09/2015, Hà Nội.
- [4] Công văn số 792/BGDĐT-NGCBQLGD v/v *hướng dẫn thực hiện Yêu cầu cơ bản về năng lực giáo viên Tiếng Anh phổ thông*, ngày 25 tháng 02 năm 2014.
- [5] Nghị quyết Hội nghị Trung Ương 8 khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo* (Nghị quyết số 29-NQ/TW).

Abstract

Training students of English Teacher Education following competence-based approach at Phu Yen University

Following the orientations of renovation on general education by the 8th Conference Resolution of the Party's Central Executive Committee (11th Session) of “Transition from knowledge-providing training method to comprehensive development of competences and qualifications for learners”, training students following competence-based approach is considered a correct orientation of higher education institutes in the time of integration. The article clarifies the concepts of competences, competence-based teaching-learning and the competences required by an English teacher. Simultaneously, it also mentions and discusses how the training processes for students of English Teacher Education are being implemented following competence-based approach at Phu Yen University at present.

Key words: Competence, Competences of English teachers, competence-based approach